

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 34/2021/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về định danh và xác thực điện tử đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh tính điện tử là tập hợp dữ liệu số trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cho phép xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử.
2. Chủ thể danh tính điện tử là cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử.
3. Định danh điện tử là hoạt động thu thập, tạo lập, gắn danh tính điện tử cho cá nhân và hoạt động quản lý danh tính điện tử.
4. Xác thực điện tử là hoạt động xác minh, xác nhận của cơ quan chức năng đối với người sử dụng danh tính điện tử đúng là chủ thể danh tính điện tử.
5. Ứng dụng định danh điện tử là phần mềm do Bộ Công an tạo lập phục vụ đăng ký, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử.
6. Hệ thống định danh và xác thực điện tử là hệ thống do Bộ Công an xây dựng và quản lý để xử lý các yêu cầu đăng ký, cấp, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử.
7. Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an.
8. Bên sử dụng dịch vụ là cá nhân, tổ chức sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử hoặc xác thực điện tử.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Cá nhân, tổ chức được khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải tuân thủ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử của cá nhân.

2. Việc đăng ký, sử dụng, cung cấp, quản lý danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử phải bảo đảm chính xác, an toàn, bảo mật.

3. Tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 có giá trị sử dụng tương đương thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do bên sử dụng dịch vụ quyết định.

4. Định danh điện tử và xác thực điện tử là dịch vụ cung cấp để phục vụ các tiện ích của cá nhân.

Chương II

DANH TÍNH ĐIỆN TỬ, MỨC ĐỘ CỦA TÀI KHOẢN

ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 4. Danh tính điện tử

1. Danh tính điện tử của công dân Việt Nam bao gồm:

- a) Số định danh cá nhân;
- b) Họ, tên đệm và tên;
- c) Ngày, tháng, năm sinh;
- d) Giới tính;
- đ) Ảnh chân dung và vân tay.

2. Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm:

- a) Số hộ chiếu hoặc số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;
- b) Họ, tên đệm và tên;
- c) Ngày, tháng, năm sinh;
- d) Giới tính;
- đ) Quốc tịch;
- e) Ảnh chân dung và vân tay (nếu có).

Điều 5. Mức độ của tài khoản định danh điện tử

1. Mức độ của tài khoản định danh điện tử gồm:

- a) Mức độ 1: Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin của công dân kê khai đã được so sánh, đối chiếu tự động trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin của người

nước ngoài đã được so sánh, đối chiếu trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, trừ ảnh chân dung và vân tay;

b) Mức độ 2: Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin của cá nhân kê khai đã được xác minh bằng ảnh chân dung hoặc vân tay trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

2. Việc lựa chọn sử dụng mức độ của tài khoản định danh điện tử do bên sử dụng dịch vụ quyết định.

Chương III

ĐĂNG KÝ, KÍCH HOẠT TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 6. Đăng ký tài khoản định danh điện tử

1. Cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng định danh điện tử.

2. Đối với cá nhân chưa đủ 14 tuổi thì đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

3. Đối với người được giám hộ khác thì đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của người giám hộ.

4. Các thông tin cần khai báo được thực hiện trên thiết bị điện tử khi cá nhân đăng ký tài khoản định danh điện tử gồm:

a) Số định danh cá nhân; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (đối với người nước ngoài);

b) Họ, tên đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch (đối với người nước ngoài);

e) Số điện thoại, email;

g) Trường hợp đăng ký cho người chưa đủ 14 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì kê khai thêm thông tin quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này của người đó.

Điều 7. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử

1. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 1 thực hiện như sau:

a) Khi công dân Việt Nam đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin công dân kê khai tại điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 1 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Khi người nước ngoài đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin người nước ngoài kê khai tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 1 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 thực hiện như sau:

a) Khi công dân Việt Nam đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin người đăng ký kê khai tại điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và so sánh, đối chiếu với ảnh chân dung hoặc vân tay của người đăng ký, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Khi người nước ngoài đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin người đăng ký kê khai tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và so sánh, đối chiếu với ảnh chân dung hoặc vân tay của